THỊNH VƯỢNG, THÀNH CÔNG

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂM BẢY BẢY

Địa chỉ: 01 Nguyễn Văn Đậu, P.5, Q.Phú Nhuận, TP.Hồ Chí Minh
Điện thoại: 08. 3843 3381 * Fax: 08. 3844 6017
Website: nbb.com.vn * Email: nbb@nbb.com.vn

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

HỢP NHẤT NĂM 2008

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008
đã được kiểm toán

TP.Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 01 năm 2009

AASCs

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂM BẢY BẢY

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008
đã được kiểm toán

ĐƠN VỊ KIỂM TOÁN: **CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)**

NỘI DUNG

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	03 - 04
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	05 - 05
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2008	06 - 08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm 2008	09 - 09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất năm 2008	10 - 10
Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất năm 2008	11 - 26

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc **Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy** (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính 2008 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy là một đơn vị thành viên của Tổng Công ty Xây Dựng Công Trình Giao Thông 5, được thành lập theo Nghị quyết 1584/NQ-HĐQT ngày 26/05/2005 về việc góp vốn đầu tư để thành lập Công ty Năm Bảy Bảy và Quyết định số 3666/QĐ-HĐQT ngày 12/08/2005 về việc chuyển giao nguyên trạng nguồn vốn, tài sản, công nợ, thiết bị, cán bộ, công nhân lao động, các hợp đồng kinh tế và nhiệm vụ sản xuất kinh doanh đang thực hiện của Chi nhánh Tổng Công ty Xây Dựng Công Trình Giao Thông 5 tại Bình Thuận sang Công ty Cổ Phần Đầu Tư Năm Bảy Bảy của Hội Đồng Quản Trị Tổng Công ty Xây Dựng Công Trình Giao Thông 5.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 4103003556 ngày 04/07/2005 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư TP.HCM cấp và cấp lại lần 4 vào ngày 15/05/2008:

- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là môi giới bất động sản; kinh doanh nhà; xây dựng công trình giao thông, thuỷ điện, nhiệt điện; san lấp mặt bằng; xây dựng công trình dân dụng; khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; dịch vụ du lịch, ăn uống; cho thuê máy móc...

- Vốn điều lệ tại ngày 31/12/2008 là 154.000.000.000 đồng.

Trụ sở chính của Công ty tại Số 1 Nguyễn Văn Đậu, Phường 5, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các đơn vị có liên quan:

Tên	Quan hệ	Địa chỉ
Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy - Chi nhánh tại Bình Thuận	Chi nhánh	47 Trần Hưng Đạo, Thành phố Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận
Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy - Chi nhánh Tây Nam	Chi nhánh	B17-19 Trung tâm Thương Mại, Phường 3, Thị xã Bạc Liêu, Tỉnh Bạc Liêu
Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy - Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh	Chi nhánh	Số 1 Nguyễn Văn Đậu, Phường 5, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh
Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy - Chi nhánh Miền Trung	Chi nhánh	Số 54, Đường 10, Phường 8, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên
Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy - Chi nhánh Miền Bắc	Chi nhánh	Tổ 5, Khu 9A, Đường Hạ Long, Phường Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy – Ban Quản lý dự án Quảng Ngãi	Chi nhánh	Thôn Trường Thọ Tây, Thị trấn Sơn Tịnh, Huyện Sơn Tịnh, Tỉnh Quảng Ngãi
Công ty TNHH Xây dựng – Thương mại – Dịch vụ Sản xuất Hùng Thanh	Công ty con	Số 1 Nguyễn Văn Đậu, Phường 5, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh
Công ty Cổ phần Công nghiệp NBB	Công ty con	Lô G, Đường số 10, Khu Công nghiệp Hòa Khánh, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng
Công ty TNHH BOT Rạch Miễu	Công ty liên kết	Ấp 6A, Xã An Khánh, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre
Công ty Cổ phần Đầu tư Saigon Highland	Công ty liên kết	Số 140 Trần Phú, Phường Diên Hồng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên báo cáo tài chính.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đến ngày lập Báo cáo tài chính này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông	ĐOÀN TƯỜNG TRIỆU	Chủ tịch
Bà	VÕ DƯ NGỌC TRÂN	Thành viên
Ông	PHẠM THANH ĐIỀN	Thành viên
Ông	HOÀNG HỮU TƯƠNG	Thành viên
Ông	PHAN NGỌC TRÍ	Thành viên
Ông	TRẦN QUANG TRÌNH	Thành viên
Bà	NGUYỄN THỊ CÁT TIÊN	Thành viên

Ban giám đốc

Ông	ĐOÀN TƯỜNG TRIỆU	Giám đốc Điều hành
Ông	NGUYỄN VIẾT NAM ANH	Giám đốc Sản xuất
Ông	TRẦN VĂN HỮU	Giám đốc Tài chính
Ông	NGUYỄN PHÚC	Giám đốc Dự án
Ông	NGUYỄN TRƯỜNG THI	Giám đốc Nhân sự

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính năm 2008 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS).

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2008, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính 2008, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Ngày 20 tháng 01 năm 2009
TM Ban Giám đốc
Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂM BẢY BẢY

Đoàn Tường Triệu

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH
KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)
SOUTHERN AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL
CONSULTING SERVICES COMPANY LIMITED (AASCS)

29 Võ Thị Sáu, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
Tel: 8.205.944 - 8.205.947 • Fax: 8.205.942
Email: aascs@vnn.vn • Website: www.aascs.com.vn

Số 32.. BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính hợp nhất năm tài chính 2008 kết thúc vào ngày 31/12/2008
của Công ty Cổ Phần Đầu Tư Năm Bảy Bảy

Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂM BẢY BẢY

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của **Công ty Cổ Phần Đầu Tư Năm Bảy Bảy** được lập ngày 20 tháng 01 năm 2009 gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất năm tài chính 2008 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 được trình bày từ trang 06 đến trang 26 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của **Giám đốc Công ty.** Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở đưa ra ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu về tình hình tài chính của **Công ty Cổ Phần Đầu tư Năm Bảy Bảy** tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính 2008 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

TP HCM, ngày 13 tháng 2 năm 2009

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH
KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)
Tổng Giám Đốc

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM

ĐỖ KHẮC THANH
Chứng chỉ KTV số Đ0064/KTV

Kiểm Toán Viên

LÊ VĂN TUẤN
Chứng chỉ KTV số 0479/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính : VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**833.930.970.391**	**653.740.091.174**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**		**14.975.181.982**	**109.614.251.557**
1. Tiền	111	V.01	14.975.181.982	59.614.251.557
2. Các khoản tương đương tiền	112	V.02	-	50.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		**-**	**11.000.000.000**
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.03		11.000.000.000
III. Các khoản phải thu	**130**		**97.406.012.920**	**49.552.396.566**
1. Phải thu của khách hàng	131		18.833.111.296	25.528.199.191
2. Trả trước cho người bán	132		13.563.052.689	11.471.318.975
5. Các khoản phải thu khác	135	V.04	65.009.848.935	12.552.878.400
IV. Hàng tồn kho	**140**		**710.832.174.579**	**476.546.466.877**
1. Hàng tồn kho	141	V.05	710.832.174.579	476.546.466.877
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**10.717.600.910**	**7.026.976.174**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		459.490.722	247.643.286
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		7.563.303.485	3.100.605.486
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.06	6.302.348	38.365.466
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.07	2.688.504.355	3.640.361.936
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**102.588.384.160**	**56.230.346.406**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**5.000.000**	**-**
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.08	5.000.000	-
II. Tài sản cố định	**220**		**40.019.792.258**	**22.710.677.443**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.09	23.936.933.880	18.215.041.704
- Nguyên giá	*222*		*29.069.128.924*	*21.645.131.600*
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	*223*		*(5.132.195.044)*	*(3.430.089.896)*
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	1.648.188.000	1.648.188.000
- Nguyên giá	*228*		*1.660.188.000*	*1.660.188.000*
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	*229*		*(12.000.000)*	*(12.000.000)*
4.Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	14.434.670.378	2.847.447.739
III. Bất động sản đầu tư	**240**	V.12	**1.600.000.000**	**-**
- Nguyên giá	241		1.600.000.000	
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	**250**	V.13	**41.991.430.061**	**16.205.600.000**
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		23.874.430.061	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.14	22.365.600.000	16.205.600.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn	259		(4.248.600.000)	-
V. Lợi thế thương mại	**260**		**11.685.000.000**	**12.000.000.000**
VI. Tài sản dài hạn khác	**270**		**7.287.161.841**	**5.314.068.963**
1. Chi phí trả trước dài hạn	271	V.15	3.758.863.101	5.314.068.963
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	272	V.20	2.528.298.740	-
3. Tài sản dài hạn khác	278		1.000.000.000	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**280**		**936.519.354.551**	**709.970.437.580**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính : VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**507.602.621.004**	**324.461.361.890**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**145.714.445.844**	**117.477.871.286**
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.16	65.292.976.943	-
2. Phải trả người bán	312		26.251.758.074	69.822.985.586
3. Người mua trả tiền trước	313		27.727.753.629	12.689.109.313
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.17	19.075.281.771	7.451.089.681
5. Phải trả người lao động	315		157.766.350	53.566.010
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	7.208.909.077	27.461.120.696
II. Nợ dài hạn	**330**		**361.888.175.160**	**206.983.490.604**
1. Phải trả dài hạn người bán	331		20.000.000.000	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		241.888.175.160	195.532.483.604
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.19	100.000.000.000	11.452.600.000
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	(1.593.000)
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**426.856.733.547**	**383.388.592.371**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**	V.21	**424.194.579.252**	**382.699.223.199**
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		154.000.000.000	154.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		201.376.625.200	201.376.625.200
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		18.477.728.497	5.255.339.434
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		4.495.183.501	1.736.288.206
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		45.845.042.054	20.330.970.359
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	**430**		**2.662.154.295**	**689.369.172**
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		2.662.154.295	689.369.172
C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	**500**		**2.060.000.000**	**2.120.483.319**
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**510**		**936.519.354.551**	**709.970.437.580**

Ghi chú: Số liệu trong các chỉ tiêu có dấu (*) được ghi bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn

Mã số 141 "Hàng tồn kho": Giá trị đền bù, xây lắp, lãi vay vốn hóa các dự án xây dựng hạ tầng và chung cư.

Mã số 333 "Phải trả dài hạn khác" là khoản thu vốn góp từ khách hàngvà thu vốn góp từ Công ty Cổ phần Đầu tư hạ tầng kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh vào các dự án kinh doanh đất.

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công			
3. Hàng hoá nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			
4. Nợ khó đòi đã xử lý			
5. Ngoại tệ các loại			
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

Ngày 20 tháng 01 năm 2009

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Giám Đốc
Thân Trọng Đức Phong	Nguyễn Thị Anh Thư	Đoàn Tường Triệu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2008

Đơn vị tính : VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**	VI.22	**178.731.548.752**	**202.628.224.462**
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	**02**		**-**	**25.890.000**
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**10**		**178.731.548.752**	**202.602.334.462**
4. Giá vốn hàng bán	**11**	VI.23	**104.791.192.377**	**164.108.508.968**
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**20**		**73.940.356.375**	**38.493.825.494**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	**21**	VI.24	**8.991.239.801**	**12.389.297.058**
7. Chi phí tài chính	**22**	VI.25	**4.263.832.509**	**1.026.148.639**
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		15.232.509	82.166.667
8. Chi phí bán hàng	**24**		**978.285.028**	**1.904.318.848**
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	**25**		**5.953.305.815**	**7.310.206.582**
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	**30**		**71.736.172.824**	**40.642.448.483**
11. Thu nhập khác	**31**		**4.350.175.367**	**39.006.722**
12. Chi phí khác	**32**		**400.000**	**18.056.235**
13. Lợi nhuận khác	**40**		**4.349.775.367**	**20.950.487**
14. Phần lợi nhuận hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	**50**		**30.413.439,0**	
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**60**		**76.116.361.630**	**40.663.398.970**
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	**61**	V.26	**21.936.778.728**	**11.387.437.485**
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	**62**		**(2.528.298.740)**	
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	**70**		**56.707.881.642**	**29.275.961.485**
18.1 Lợi ích của cổ đông thiểu số	71		1.496.816.791	483.319
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	72		55.211.064.851	29.275.478.166
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**80**	V.27	**3.585**	**5.124**

Ngày 20 tháng 01 năm 2009

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Giám Đốc
Thân Trọng Đức Phong	Nguyễn Thị Anh Thư	Đoàn Tường Triệu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2008

Đơn vị tính : VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	**01**		**76.116.361.630**	**40.663.398.970**
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02		2.166.102.784	1.540.604.057
- Các khoản dự phòng	03		4.248.600.000	
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(2.656.577.482)	(766.428.458)
- Chi phí lãi vay	06		15.232.509	82.166.667
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	***08***		**79.889.719.441**	**41.519.741.236**
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		(51.973.302.745)	(31.719.104.102)
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		(234.285.707.702)	(184.706.894.736)
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		16.336.300.390	22.586.338.780
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		1.343.358.426	(11.226.329.826)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(15.232.509)	(82.166.667)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(10.581.747.057)	(4.093.939.617)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(2.390.673.675)	(2.418.791.391)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***20***		**(201.677.285.431)**	**(170.141.146.323)**
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(21.075.217.599)	(11.850.727.129)
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(40.004.016.622)	(26.675.600.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		21.000.000.000	1.494.110.000
7. Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.517.073.134	766.428.458
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***		**(37.562.161.087)**	**(36.265.788.671)**
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			345.376.625.200
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		153.840.376.943	11.452.600.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34			(42.378.750.000)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(9.240.000.000)	(1.591.843.800)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***		**144.600.376.943**	**314.450.475.200**
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	**50**		**(94.639.069.575)**	**108.043.540.206**
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	**60**		**109.614.251.557**	**1.570.711.351**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	**70**	VII.28	**14.975.181.982**	**109.614.251.557**

Ngày 20 tháng 01 năm 2009

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Giám Đốc
Thân Trọng Đức Phong	Nguyễn Thị Anh Thư	Đoàn Tường Triệu

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2008

I. Đặc điểm hoạt động của Công ty

Công ty Cổ Phần Đầu Tư Năm Bảy Bảy là một đơn vị thành viên của Tổng Công ty Xây Dựng Công Trình Giao Thông 5, được thành lập theo Nghị quyết 1584/NQ-HĐQT ngày 26/05/2005 về việc góp vốn đầu tư để thành lập Công ty Năm Bảy Bảy và Quyết định số 3666/QĐ-HĐQT ngày 12/08/2005 về việc chuyển giao nguyên trạng nguồn vốn, tài sản, công nợ, thiết bị, cán bộ, công nhân lao động, các hợp đồng kinh tế và nhiệm vụ sản xuất kinh doanh đang thực hiện của Chi nhánh Tổng Công ty Xây Dựng Công Trình Giao Thông 5 tại Bình Thuận sang Công ty Cổ Phần Đầu Tư Năm Bảy Bảy của Hội Đồng Quản Trị Tổng Công ty Xây Dựng Công Trình Giao Thông 5.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 4103003556 ngày 04/07/2005 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư TP.HCM cấp và cấp lại lần 4 vào ngày 15/05/2008:

- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là môi giới bất động sản; kinh doanh nhà; xây dựng công trình giao thông, thuỷ điện, nhiệt điện; san lấp mặt bằng; xây dựng công trình dân dụng; khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; dịch vụ du lịch, ăn uống; cho thuê máy móc…

- Vốn điều lệ tại ngày 31/12/2008 là 154.000.000.000 đồng.

Trụ sở chính của Công ty tại Số 1 Nguyễn Văn Đậu, Phường 5, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các đơn vị liên quan:

Tên	Quan hệ	Địa chỉ
Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy - Chi nhánh tại Bình Thuận	Chi nhánh	47 Trần Hưng Đạo, Thành phố Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận
Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy - Chi nhánh Tây Nam	Chi nhánh	B17-19 Trung tâm Thương Mại, Phường 3, Thị xã Bạc Liêu, Tỉnh Bạc Liêu
Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy - Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh	Chi nhánh	Số 1 Nguyễn Văn Đậu, Phường 5, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh
Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy - Chi nhánh Miền Trung	Chi nhánh	Số 54, Đường 10, Phường 8, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên
Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy - Chi nhánh Miền Bắc	Chi nhánh	Tổ 5, Khu 9A, Đường Hạ Long, Phường Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy – Ban Quản lý dự án Quảng Ngãi	Chi nhánh	Thôn Trường Thọ Tây, Thị trấn Sơn Tịnh, Huyện Sơn Tịnh, Tỉnh Quảng Ngãi
Công ty TNHH Xây dựng – Thương mại – Dịch vụ Sản xuất Hùng Thanh	Công ty con	Số 1 Nguyễn Văn Đậu, Phường 5, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh
Công ty Cổ phần Công nghiệp NBB	Công ty con	Lô G, Đường số 10, Khu Công nghiệp Hòa Khánh, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng
Công ty TNHH BOT Rạch Miễu	Công ty liên kết	Ấp 6A, Xã An Khánh, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre
Công ty Cổ phần Đầu tư Saigon Highland	Công ty liên kết	Số 140 Trần Phú, Phường Diên Hồng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

Tổng số các công ty con

- Số lượng các công ty con được hợp nhất : 02 công ty
- Số lượng các công ty con không được hợp nhất : 0 công ty

Danh sách các công ty con quan trọng được hợp nhất

- **CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ SẢN XUẤT HÙNG THANH**
  - + Địa chỉ : Số 1 Nguyễn Văn Đậu, Phường 5, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh
  - + Vốn điều lệ : 41.200.000.000 đồng
  - + Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ : 95%
  - + Quyền biểu quyết của Công ty mẹ : 95%

Ghi chú: Ngày 18/02/2008, Công ty TNHH Đầu tư kinh doanh nhà Hoàng Thành được sáp nhập vào Công ty TNHH XD TM DV SX Hùng Thanh theo Giấy chứng nhập đăng ký kinh doanh số 4102003918 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp.HCM cấp.

- **CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP NBB**
  - + Địa chỉ : Lô G, Đường số 10, KCN Hòa Khánh, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng
  - + Vốn điều lệ : 30.000.000.000 đồng
  - + Số vốn đã góp đến ngày 31/12/2008 : 6.600.000.000 đồng
  - + Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ : 67,33%
  - + Quyền biểu quyết của Công ty mẹ : 67,33%

Tổng số các công ty liên kết: 02 công ty

- **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SAIGON HIGHLAND**
  - + Địa chỉ : Số 140 Trần Phú, Phường Diên Hồng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai
  - + Vốn điều lệ : 80.000.000.000 đồng
  - + Số vốn đã góp đến ngày 31/12/2008 : 16.000.000.000 đồng
  - + Tỷ lệ lợi ích của Công ty : 30,62%
  - + Quyền biểu quyết của Công ty : 30,62%
- **CÔNG TY TNHH BOT RẠCH MIỄU**
  - + Địa chỉ : Ấp 6A, Xã An Khánh, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre
  - + Vốn điều lệ : 125.380.000.000 đồng
  - + Tỷ lệ lợi ích của Công ty : 25%
  - + Quyền biểu quyết của Công ty : 25%

Công ty TNHH BOT Rạch Miễu là đơn vị đầu tư cầu Rạch Miễu theo hình thức BOT. Hiện nay, Công ty đang ở giai đoạn thi công, chưa phát sinh doanh thu và lợi nhuận.

II. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ trong kế toán

1. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. Chế độ kế toán áp dụng

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính và các văn bản liên quan.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Việt Nam

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà Nước ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền và tương đương tiền:

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn (không quá 3 tháng) có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi đồng tiền khác:

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

2. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho:

2.1. Nguyên tắc định giá hàng tồn kho: Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến, và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho do đơn vị tự sản xuất bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình biến đổi nguyên vật liệu thành thành phẩm.

Những chi phí không được tính vào giá gốc của hàng tồn kho:

- Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất.
- Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công và các chi phí sản xuất kinh doanh khác phát sinh trên mức bình thường.
- Chi phí bảo quản hàng tồn kho trừ các chi phí bảo quản hàng tồn kho cần thiết cho quá trình sản xuất tiếp theo và chi phí bảo quản hàng tồn kho phát sinh trong quá trình mua hàng.
- Chi phí bán hàng.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp.

2.2. Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền, một số trường hợp khác theo phương pháp đích danh.

2.3. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

3. Ghi nhận và khấu hao tài sản cố định:

Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định: Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình:

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Tỷ lệ khấu hao được áp dụng theo Quyết định 206/2003/QĐ-BTC ngày 12 tháng 12 năm 2003 của Bộ Tài chính.

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính:

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

5. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay:

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

6. Nguyên tắc vốn hóa các khoản chi phí:

6.1 Chi phí trả trước: Chi phí trả trước phân bổ cho hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản, cải tạo, nâng cấp tài sản cố định trong kỳ được vốn hóa vào tài sản cố định đang được đầu tư hoặc cải tạo, nâng cấp đó.

6.2 Chi phí khác: Chi phí khác phục vụ cho hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản, cải tạo, nâng cấp tài sản cố định trong kỳ được vốn hóa vào tài sản cố định đang được đầu tư hoặc cải tạo, nâng cấp đó.

6.3 Phương pháp phân bổ chi phí trả trước:

Các loại chi phí trả trước nếu chỉ liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

7. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá trị thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi nhận theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ các khoản thuế phải nộp liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này và không bổ sung vốn kinh doanh từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị của Công ty.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phản ánh trên Bảng Cân đối kế toán là chêch lệch tỷ giá hối đoái phát sinh hoặc đánh giá lại cuối kỳ của các khoản mục có gốc ngoại tệ của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

8. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu đó được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính: Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Doanh thu hợp đồng xây dựng:

Phần công việc hoàn thành của Hợp đồng xây dựng làm cơ sở xác định doanh thu được xác định theo nghiệm thu xác nhận khối lượng, giá trị giữa các bên liên quan (xác nhận A – B), không phụ thuộc vào việc đã thu được tiền hay chưa.

Doanh thu hoạt động chuyển quyền sử dụng đất:

Công ty ghi nhận doanh thu từ hoạt động chuyển quyền sử dụng đất khi thỏa mãn những điều kiện sau:

– Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

– Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;

– Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng;

– Công ty đã lập biên bản giao nền hoặc đã làm sổ đỏ chuyển quyền sử dụng đất cho người mua.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

– Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;

– Chi phí cho vay và đi vay vốn;

– Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;

– Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập hiện hành

Chi phí thuế thu nhập hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

Thu nhập để xác định chi phí thuế thu nhập hiện hành đối với hoạt động chuyển nhượng quyền sử dụng đất phát sinh trong năm được Công ty tạm hạch toán trên cơ sở doanh thu thực tế trong năm trừ (-) chi phí chuyển quyền sử dụng đất tương ứng theo định mức đã đăng ký với Cơ quan Thuế. Khi có quyết toán chính thức với Cơ quan Thuế, các khoản chênh lệch (nếu có) sẽ được điều chỉnh trên báo cáo của giai đoạn sau.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất

Đơn vị tính: VND

1. Tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền mặt	2.301.502.918	4.651.698.165
- Tiền gửi ngân hàng	12.673.679.064	54.962.553.392
Cộng	**14.975.181.982**	**59.614.251.557**

2. Các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền gửi có kỳ hạn	-	50.000.000.000

3. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Chứng khoán đầu tư ngắn hạn	-	11.000.000.000

4. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Phải thu khác	65.009.848.935	12.552.878.400
+ Phải thu UBND Tỉnh Bạc Liêu (khoản chi hộ tiền đền bù lộ giới Cao Văn Lầu)	*1.979.550.541*	*1.482.487.001*
+ UBND tỉnh Bạc Liêu (chờ xử lý QĐ 871)	*720.385.883*	*537.782.648*
+ Hội đồng bồi thường GPMB thị xã Bạc Liêu	-	*604.966.364*
+ Cho vay ông Hà Thanh Hải (thế chấp sổ đỏ)	*7.000.000.000*	*7.000.000.000*
+ Phải thu quyền góp vốn vào Công ty Cổ Phần Công Nghiệp NBB	*2.200.000.000*	*2.400.000.000*
+ Công ty Cổ Phần Công Trình Giao Thông 503	*500.000.000*	*500.000.000*
+ Khoản tạm nộp thuế sử dụng đất DA Carina Plaza (đợi cấn trừ)	*3.147.700.000*	-
+ Thu hồi dự án Quận 2	*32.000.000.000*	-
+ Chi hộ liên doanh DA tuyến tránh Phan Rang - Tháp Chàm	*2.424.262.500*	-
+ Tổng Công ty XD CT GT 5	*14.812.523.410*	-
+ Phải thu khác	*225.426.601*	*27.642.387*

5. Hàng tồn kho

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Nguyên liệu, vật liệu	49.114.998	178.308.998
- Công cụ, dụng cụ	75.074.268	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	710.707.985.313	476.368.157.879
+ Dự án Phan Thiết (chi phí xây lắp, tiền sử dụng đất, lãi vay vốn hóa)	*80.025.403.221*	*151.923.239.989*
+ Dự án Bạc Liêu (chi phí đền bù, xây dựng cơ sở hạ tầng dự án)	*119.308.779.914*	*73.761.043.223*
+ Dự án Đồi Thuỷ Sản, Đồn Điền - Quảng Ninh	*1.990.837.204*	-
+ Dự án Khu Dân Cư Sơn Tịnh - Quảng Ngãi	*911.995.090*	-
+ Dự án căn hộ Hùng Vương 1, Phan Thiết	*39.128.250.000*	-
+ Chi đền bù dự án đất Bình Chánh	-	*5.000.000.000*
+ Chi đền bù dự án đất Quận 2	-	*20.000.000.000*
+ Dự án Khu du lịch Ocean Golf - Lagi	*1.091.995.909*	-
+ Chi đền bù dự án khu căn hộ cao tầng NBB1 (Diamond Reverside)	*150.536.610.508*	*73.094.890.000*
+ Chi đền bù dự án khu căn hộ cao tầng NBB3	*138.860.309.292*	-
+ Chi phí dở dang đường cao tốc Sài Gòn - Trung Lương	*1.620.783.180*	*7.277.855.540*
+ Chi phí đền bù, xây lắp dự án Hùng Thanh (Carina Plaza)	*70.669.315.630*	*50.361.521.310*
+ Chi phí đền bù, thiết kế dự án đất Hoàng Thành (City Gate Towers)	*106.563.705.365*	*94.949.607.817*
Cộng giá gốc hàng tồn kho	**710.832.174.579**	**476.546.466.877**

6. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Thuế thu nhập doanh nghiệp Công ty XD TM DV SX Hùng Thanh tạm nộp		38.365.466
- Thuế giá trị gia tăng nộp thừa	6.302.348	
Cộng	**6.302.348**	**38.365.466**

7. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Ký quỹ tỉnh Phú Yên thực hiện nhà máy thủy điện Đá Đen	2.400.000.000	2.400.000.000
- Ký quỹ mỏ cát, đá Chi nhánh Bình Thuận	268.628.161	94.364.870
- Tạm ứng xây lắp, khác	19.876.194	1.095.997.066
- Tạm ứng CN Quảng Ninh	-	50.000.000
Cộng	**2.688.504.355**	**3.640.361.936**

8. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Khoản ký quỹ với Công ty Cấp Nước Chợ Lớn	5.000.000	-

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
I- Nguyên giá TSCĐ hữu hình					
1- Số dư đầu năm	**14.122.942.823**	**3.948.180.669**	**2.883.507.330**	**690.500.778**	**21.645.131.600**
2- Số tăng trong năm	**6.054.550.000**	**10.952.381**	**1.442.900.605**	**379.591.974**	**7.887.994.960**
- Mua trong năm	6.054.550.000	10.952.381	1.442.900.605	379.591.974	7.887.994.960
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-	-	-	-
- Đầu tư XDCB hoàn thành					-
3- Thanh lý	**-**		**463.997.636**	**-**	**463.997.636**
4- Số dư cuối năm	**20.177.492.823**	**3.959.133.050**	**3.862.410.299**	**1.070.092.752**	**29.069.128.924**
II- Giá trị hao mòn luỹ kế					
1- Số dư đầu năm	**914.377.885**	**1.231.972.248**	**782.471.467**	**501.268.296**	**3.430.089.896**
2- Khấu hao trong năm	**565.190.542**	**705.232.850**	**640.702.778**	**254.976.614**	**2.166.102.784**
3- Tăng do hợp nhất kinh doanh					**-**
4- Thanh lý			**463.997.636**		**463.997.636**
5- Số dư cuối năm	**1.479.568.427**	**1.937.205.098**	**959.176.609**	**756.244.910**	**5.132.195.044**
III- Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình					
1- Tại ngày đầu năm	**13.208.564.938**	**2.716.208.421**	**2.101.035.863**	**189.232.482**	**18.215.041.704**
2- Tại ngày cuối năm	**18.697.924.396**	**2.021.927.952**	**2.903.233.690**	**313.847.842**	**23.936.933.880**

* Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 277.925.357 đồng

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Phần mềm	Tổng cộng
I- Nguyên giá TSCĐ vô hình			
1- Số dư đầu năm	**1.648.188.000**	**12.000.000**	**1.660.188.000**
2- Số tăng trong năm	-	-	-
3- Số giảm trong năm	-	-	-
4- Số dư cuối năm	**1.648.188.000**	**12.000.000**	**1.660.188.000**
II- Giá trị hao mòn luỹ kế			
1- Số dư đầu năm	-	**12.000.000**	**12.000.000**
2- Khấu hao trong năm	-	-	-
3- Giảm trong năm			-
4- Số dư cuối năm	-	**12.000.000**	**12.000.000**
III- Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình			
1- Tại ngày đầu năm	**1.648.188.000**	-	**1.648.188.000**
2- Tại ngày cuối năm	**1.648.188.000**	-	**1.648.188.000**

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Chi phí XDCB dở dang	**14.434.670.378**	**2.847.447.739**
Trong đó:		
+ Phần mềm kế toán	42.000.000	-
+ Sửa chữa văn phòng Công ty	-	8.842.000
+ Xây dựng khu khai thác mỏ đá Tàzôn	1.189.066.143	319.037.937
+ Xây dựng nhà máy thủy điện Đá Đen	13.203.604.235	2.519.567.802

12. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Nguyên giá bất động sản đầu tư	-	**1.600.000.000**	-	**1.600.000.000**
- Quyền sử dụng đất		1.600.000.000		1.600.000.000
- Nhà				-
- Nhà và quyền sử dụng đất				-
- Cơ sở hạ tầng				-
Giá trị hao mòn luỹ kế	-	-	-	-
- Quyền sử dụng đất				-
- Nhà				-
- Nhà và quyền sử dụng đất				-
- Cơ sở hạ tầng				-
Giá trị còn lại của bất động sản đầu tư	-	-	-	**1.600.000.000**
- Quyền sử dụng đất	-			1.600.000.000
- Nhà	-			-
- Nhà và quyền sử dụng đất	-			-
- Cơ sở hạ tầng	-			-

13. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Công ty TNHH BOT Rạch Miễu	18.063.552.622	
- Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng 533 (Dự án Tam Phú)	882.000.000	
- Công ty Cổ phần đầu tư Saigon Highland	4.928.877.439	
Cộng	**23.874.430.061**	**-**

14. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Đầu tư cổ phiếu	22.365.600.000	16.205.600.000

Chi tiết

Công ty	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số cổ phiếu	Số tiền	Số cổ phiếu	Số tiền
- Công ty Cổ Phần Chứng Khoán Việt Thành	175.000	1.750.000.000		
- Công ty CP Đầu Tư Khoáng Sản Quảng Ngãi	216.000	2.160.000.000		
- Công ty Cổ Phần Cơ Khí Điện Lữ Gia	250.000	6.750.000.000	100.000	4.500.000.000
- Công ty CP Đầu Tư Hạ Tầng KT TP.HCM	109.500	7.095.600.000	109.500	7.095.600.000
- Công ty Cổ Phần Tư Vấn Xây Dựng 533	340.000	4.080.000.000	340.000	4.080.000.000
- Công ty Cổ Phần Việt Quốc	53.000	530.000.000	53.000	530.000.000
Cộng		**22.365.600.000**		**16.205.600.000**

15. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Chi phí dự án Bạc Liêu chờ phân bổ	-	3.798.724.838
- Chi phí lãi vay của DA BOT Cầu Rạch Miễu	473.640.000	-
- Chi phí tìm kiếm dự án của DA BOT Cầu Rạch Miễu	500.000.000	-
- Chi phí quản lý nhà máy thủy điện Đá Đen chờ phân bổ	-	62.029.943
- Chi phí hoạt động của Hoàng Thành (DA City Gate Towers) chờ phân bổ	-	139.200.000
- Chi phí nhà mẫu của Hùng Thanh (DA Carina Plaza) chờ phân bổ	2.785.223.101	1.314.114.182
Cộng	**3.758.863.101**	**5.314.068.963**

16. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Vay ngắn hạn Ngân Hàng Đầu Tư & Phát Triển Việt Nam CN Bắc Sài Gòn	52.292.976.943	-
- Vay ngắn hạn Ngân Hàng TM CP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam - Sở Giao Dịch 1	13.000.000.000	
Cộng	**65.292.976.943**	**-**

Đối với khoản vay của Ngân Hàng ĐT & PT VN CN Bắc Sài Gòn: theo Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 00313/2008/0000791 ngày 01/07/2008, hạn mức tín dụng là 60.000.000.000VND, thời hạn cho vay là 6 tháng; lãi suất theo quy định của ngân hàng tại từng thời điểm rút vốn; mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Khoản vay này được đảm bảo toàn bộ giá trị thế chấp theo các hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 01/2008-696929 ngày 01/07/2008; 02/2008-696929 ngày 29/07/2008; 03/2008-696929 ngày 23/08/2008 và 04/2008-696929 ngày 17/10/2008.

Đối với khoản vay của Ngân Hàng TMCP XNK Việt Nam SGD 1: theo Hợp đồng tín dụng (cho vay từng lần) số 2000-LAV-200805766 ngày 15/09/2008, hạn mức tín dụng là 20.000.000.000VND, thời hạn cho vay là 1 năm; lãi suất theo quy định của ngân hàng tại từng thời điểm rút vốn; mục đích vay: góp vốn vào dự án BOT Cầu Rạch Miễu. Khoản vay này được đảm bảo: quyền sử dụng 205 lô đất tổng diện tích 16.719,07m2 tọa lạc tại khóm 3, phường 2, thị xãBạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Thuế giá trị gia tăng	182.611.924	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	18.776.586.652	7.421.554.981
- Thuế thu nhập cá nhân	116.348.495	29.800.000
- Thuế tài nguyên	(265.300)	(265.300)
Cộng	**19.075.281.771**	**7.451.089.681**

Số liệu về khoản mục Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước sẽ được Cơ quan Thuế quyết toán theo quy định. Sau khi có quyết toán của Cơ quan Thuế, những phát sinh chênh lệch (nếu có) sẽ được Công ty điều chỉnh vào giai đoạn sau.

18. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tài sản thừa chờ xử lý	-	5.976.312
- Bảo hiểm xã hội	9.999.978	53.431.747
- Bảo hiểm y tế	1.510.541	9.350.209
- Kinh phí công đoàn	43.513.754	14.838.838
- Phải trả Tổng Công ty Xây Dựng Công Trình Giao Thông 5	-	18.620.190.635
- Phải trả Công ty Sài Gòn Kho Vận	-	6.716.741.792
- Phải trả Công ty Cổ Phần Đầu Tư Saigon Highland	2.500.000.000	-
- Phải trả tiền mượn của ông Trần Quang Trình	1.290.315.000	-
- Phải trả cho các đội thi công	3.291.859.006	1.803.039.667
- Phải trả, phải nộp khác	71.710.798	237.551.496
Cộng	**7.208.909.077**	**27.461.120.696**

19. Vay và nợ dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Vay ngân hàng	100.000.000.000	11.452.600.000

Đây là khoản vay của Ngân Hàng TM CP Quốc Tế Việt Nam theo Hợp đồng tín dụng số 0142/HĐTD2-VIB625/07 ngày 22/11/2007, hạn mức tín dụng là 100.000.000.000VND, thời hạn cho vay là 5 năm; mục đích vay: tài trợ đền bù đất và xây dựng cơ sở hạ tầng dự án khu căn hộ cao tầng NBB.

20. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ (*)	2.528.298.740	-

(*) Khoản chênh lệch phát sinh do Công ty TNHH Hùng Thanh đã vốn hoá vào chi phí sản xuất kinh doanh dở dang khoản chi phí lãi vay từ Công ty mẹ.

21. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
- Số dư đầu năm trước	**10.000.000.000**			**272.814.724**	**829.622.391**	**11.102.437.115**
- Tăng vốn	144.000.000.000	204.226.625.200				348.226.625.200
- Phí bảo lãnh phát hành		(2.850.000.000)				(2.850.000.000)
- Trích quy đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính			5.255.339.434	1.463.473.482	(6.718.812.916)	-
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi					(1.463.473.482)	(1.463.473.482)
- Lợi nhuận tăng trong năm trước					29.275.478.166	29.275.478.166
- Chia cổ tức đợt 1/2007					(1.591.843.800)	(1.591.843.800)
- Số dư cuối năm trước	**154.000.000.000**	**201.376.625.200**	**5.255.339.434**	**1.736.288.206**	**20.330.970.359**	**382.699.223.199**
- Số dư đầu năm nay	**154.000.000.000**	**201.376.625.200**	**5.255.339.434**	**1.736.288.206**	**20.330.970.359,00**	**382.699.223.199**
- Lợi nhuận tăng trong năm					55.211.064.851	55.211.064.851
- Trích quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính (*)			13.222.389.063	2.758.895.295	(15.981.284.358)	-
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi(*)					(4.414.232.471)	(4.414.232.471)
- Chia cổ tức đợt 2/2007					(9.240.000.000)	(9.240.000.000)
- Chi khác					(61.476.327)	(61.476.327)
Số dư cuối năm nay	**154.000.000.000**	**201.376.625.200**	**18.477.728.497**	**4.495.183.501**	**45.845.042.054**	**424.194.579.252**

Ghi chú (*):

- Quỹ dự phòng tài chính: Trích 5% lợi nhuận sau thuế theo điều lệ Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi: Trích 8% lợi nhuận sau thuế (3% quỹ khen thưởng, 5% quỹ phúc lợi). Đại hội đồng cổ đông 2008 đã thông qua mức trích là 10%.
- Quỹ đầu tư phát triển: Tạm trích 50% số lợi nhuận còn lại sau khi đã trích các quỹ và cổ tức theo quyết định của Hội đồng Quản trị và sẽ được thông qua tại Đại hội Cổ đông.

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Vốn góp của Nhà nước	10.500.000.000	10.500.000.000
- Vốn góp của các đối tượng khác	143.500.000.000	143.500.000.000
Cộng	**154.000.000.000**	**154.000.000.000**

c. Cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15.400.000	15.400.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	15.400.000	15.400.000
+ Cổ phiếu phổ thông	*15.400.000*	*15.400.000*
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	*15.400.000*	*15.400.000*
+ Cổ phiếu phổ thông	*15.400.000*	*15.400.000*
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu

d. Các quỹ của doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
- Quỹ đầu tư phát triển	18.477.728.497	5.255.339.434
- Quỹ dự phòng tài chính	4.495.183.501	1.736.288.206
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	2.662.154.295	689.369.172

* Mục đích lập và trích các quỹ của doanh nghiệp

- Quỹ đầu tư phát triển: theo đề xuất của Hội đồng quản trị.
- Quỹ dự phòng tài chính: dự phòng rủi ro tài chính và bổ sung vốn kinh doanh.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi:

+ Quỹ khen thưởng dùng để khen thưởng cán bộ công nhân viên của Công ty vào những dịp lễ tết, nhằm khuyến khích người lao động.

+ Quỹ phúc lợi dùng để ủng hộ người nghèo, các đoàn thể, tổ chức xã hội địa phương.

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Đơn vị tính: VND

22. Doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**178.731.548.752**	**202.628.224.462**
Trong đó:		
- Doanh thu bán hàng	7.344.638.051	1.535.547.087
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	454.545.455	43.721.405.543
- Doanh thu quyền góp vốn căn hộ Carina	48.728.168.208	-
- Doanh thu chuyển quyền sử dụng đất	96.493.752.539	132.328.688.872
- Doanh thu hợp đồng xây dựng	25.710.444.499	25.042.582.960
+ Doanh thu của hợp đồng xây dựng được ghi nhận trong kỳ	*25.710.444.499*	*25.042.582.960*
+ Tổng doanh thu luỹ kế của hợp đồng xây dựng đang thực hiện được ghi nhận đến thời điểm lập báo cáo tài chính	*88.460.434.966*	*62.749.990.467*
Các khoản giảm trừ doanh thu	**-**	**25.890.000**
- Hàng bán bị trả lại	-	*25.890.000*
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**178.731.548.752**	**202.602.334.462**
- Doanh thu bán hàng	7.344.638.051	1.535.547.087
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	454.545.455	43.721.405.543
- Doanh thu quyền góp vốn căn hộ Carina	48.728.168.208	-
- Doanh thu chuyển quyền sử dụng đất	96.493.752.539	132.302.798.872
- Doanh thu hợp đồng xây dựng	25.710.444.499	25.042.582.960

23. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn của thành phẩm đã bán	6.831.614.079	1.458.769.733
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	-	43.201.986.958
- Giá vốn kinh doanh đất	69.864.179.526	96.653.486.189
- Giá vốn của hoạt động xây lắp	28.095.398.772	22.794.266.088
Cộng	**104.791.192.377**	**164.108.508.968**

24. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi	1.989.473.949	617.017.458
- Lãi đầu tư cổ phiếu, trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu	527.599.185	149.411.000
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	6.474.166.667	11.622.868.600
+ Thu tiền sử dụng vốn dự án Quận 2	*5.000.000.000*	-
+ Quyền góp vốn vào Công ty TNHH Hùng Thanh	-	*2.060.000.000*
+ Quyền góp vốn vào Công ty Cổ phần công nghiệp NBB	-	*5.200.000.000*
+ Tiền sử dụng vốn thanh lý dự án Quận 2	*625.666.667*	
+ Lãi vay Tổng Công ty	*612.500.000*	
+ Lãi vay Công ty Vườn Việt	*236.000.000*	
+ Doanh thu tài chính khác		*4.362.868.600*
Cộng	**8.991.239.801**	**12.389.297.058**

25. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền vay	15.232.509	82.166.667
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện		40.869.259
- Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư	4.248.600.000	
- Chi phí phát hành cổ phiếu		903.112.713
Cộng	**4.263.832.509**	**1.026.148.639**

26. Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**76.116.361.630**	**40.663.398.970**
Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận kế toán:		**13.257.740**
+ Điều chỉnh tăng (chi phí đồng phục chi vượt)		2.000.000
+ Doanh thu tạm tính lũy tiến CQSD đất		11.257.740
Các khoản điều chỉnh giảm :	**448.012.624**	
+ Cổ tức nhận được từ các đơn vị khác	417.599.185	
+ Lợi nhuận từ công ty liên kết hợp nhất	30.413.439	
Tổng thu nhập chịu thuế	**75.668.349.006**	**40.676.656.710**
Thuế suất thuế TNDN	**28%**	**28%**
Thuế suất thuế lũy tiến	**10%**	**10%**
Chi phí thuế TNDN	**23.698.490.956**	**11.387.437.485**
+ Giảm 30% thuế thu nhập quý 4 (theo thông tư kích cầu của chính phủ)	1.761.712.228	
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	**21.936.778.728**	**11.387.437.485**

27. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	55.211.064.851	29.275.478.166
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ để phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	15.400.000	5.712.912
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**3.585**	**5.124**

VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

28. Trong năm, Công ty không có các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng.

VIII. Những thông tin khác

1. Các thông tin khác

- Phải thu của khách hàng 18.833.111.296 đồng chủ yếu là khoản thu đợt cuối các sổ đỏ sang tên khách hàng.

- Khoản phải trả cho người bán 26.251.758.074 đồng: trong đó chủ yếu là khoản tiền sử dụng đất phải trả khi tỉnh giao mặt bằng.

*** Báo cáo tài chính riêng đã được sử dụng để lập Báo cáo tài chính hợp nhất:**

+ Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ Phần Đầu Tư Năm Bảy Bảy

+ Báo cáo tài chính riêng của Công ty TNHH XD TM DV SX Hùng Thanh

+ Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ Phần Công Nghiệp NBB

+ Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ Phần Đầu Tư Saigon Highland

2. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 đã được Công ty AASCS kiểm toán. Số liệu này được phân loại lại cho phù hợp để so sánh với số liệu năm nay

Ngày 20 tháng 01 năm 2009

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Giám đốc
Thân Trọng Đức Phong	Nguyễn Thị Anh Thư	Đoàn Tường Triệu